

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 11**  
**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 10**

<b>NỘI DUNG</b>	
<b>Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Văn bản:</b> Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi</li><li>- <b>Văn bản:</b> Nhàn – Nguyễn Bỉnh Khiêm</li></ul>
<b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<p><b>1. Tài liệu tham khảo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- SGK Ngữ Văn 10 – tập một (bản chuẩn)<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Văn bản:</b> Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi</li><li>• <b>Văn bản:</b> Nhàn – Nguyễn Bỉnh Khiêm</li></ul></li><li>- Nội dung kiến thức cần ghi nhớ ở Phụ lục 1</li></ul> <p><b>2. Yêu cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở.</li><li>- Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học)</li><li>- Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào “Phiếu tổng hợp thắc mắc” (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.</li></ul>
<b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Hoàn thành bài tập được giao hoặc “Phiếu học tập” (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV.

**PHỤ LỤC 1**  
**CẢNH NGÀY HÈ**  
**(Bảo kính cảnh giới – 43)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. TÁC GIẢ**

- Nguyễn Trãi (1380 – 1442), hiệu làỨc Trai
- Nguyễn Trãi là người thanh khiết bậc nhất trong những người thanh khiết. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước, tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi là một tài năng lỗi lạc. Ông đã để lại cho đời sau một di sản to lớn về quân, văn hóa, lịch sử, địa lí, ngoại giao... đặc biệt là sự nghiệp văn học
- Tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi : *Ức Trai thi tập, Quốc âm thi tập, Quân trung từ mệnh tập, Bình ngô đại cáo*

**2. TÁC PHẨM**

- Với Quốc âm thi tập gồm 254 bài, Nguyễn Trãi được xem như nhà thơ lớn đầu tiên viết thơ chữ Nôm, đồng thời cũng là người sáng tác thơ Nôm đoản thiên có số lượng nhiều bậc nhất trong nền thơ cổ điển dân tộc. Xem xét giá trị tự thân cũng như vai trò, vị trí tập thơ trong toàn cảnh nền văn học truyền thống, Quốc âm thi tập gợi mở nhiều phương hướng tiếp cận, nhiều vấn đề lý thú về nội dung và nghệ thuật ngôn từ, về văn học và văn hóa, về chính ý nghĩa tập thơ trong sự phát triển chung của ngôn ngữ dân tộc.
- Khác với bộ phận thơ chữ Hán, Quốc âm thi tập là thơ Nôm, thơ tiếng Việt. Vì lẽ đó mà lời thơ uyển chuyển, dung dị, gần gũi đời thường và gần với nếp cảm nếp nghĩ dân tộc. Đây cũng là lý do khiến các thi nhân và giới nghiên cứu cùng quan tâm viết bình giảng, bình thơ, cảm thụ thơ Nôm Ngu...
- Được sáng tác trong thời gian Nguyễn Trãi về ở ẩn tại quê nhà

- Với nhiều chùm thơ: Tự thán, thuật hứng, mạn thuật kì, trần tình, bảo kính cảnh giới...

- **Cảnh ngày hè – Bảo kính cảnh giới số 43** được rút ra từ tập

- Bố cục:

+ **Câu đầu:** Hoàn cảnh của nhà thơ hiện tại

+ **3 câu tiếp** – Cảnh thiên nhiên ngày hè và tâm hồn yêu thiên nhiên của nhà thơ.

+ **2 câu tiếp** – Cuộc sống của con người

+ **2 câu cuối** – Ước mong của Nguyễn Trãi và tấm lòng vì dân vì nước của nhà thơ.

## II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

### 1. CÂU THƠ ĐẦU: HOÀN CẢNH CỦA NGUYỄN TRÃI LÚC NÀY

#### ***Rồi hóng mát thuở ngày trường***

Câu thơ hiện lên hình ảnh của nhà thơ Nguyễn Trãi, ông đang ngồi dưới bóng cây nhàn nhã như hóng mát thật sự. Việc quân, việc nước chắc đã xong xuôi ông mới trở về với cuộc sống đơn sơ, giản dị, mộc mạc mà chan hòa, gần gũi với thiên nhiên. Cả câu thơ không đơn giản là hình ảnh của Nguyễn Trãi ngồi hóng mát mà nó lại toát lên nỗi niềm, tâm sự của tác giả: “*Nhàn rồi ta hóng mát cả một ngày dài*”. Một xã hội đã bị suy yếu, nguyện vọng, ý chí của tác giả đã bị vùi lấp, không còn gì nữa, ông đành phải rời bỏ, từ quan để về ở ẩn, phải dành “***hóng mát***” cả ngày trường để vui đi một tâm sự, một gánh nặng đang đè lên vai mình. Cả câu thơ thấp thoáng một tâm sự thầm kín, không còn là sự nhẹ nhàng thanh thản nữa.

### 2. BỐN CÂU THƠ ĐẦU: BỨC TRANH CẢNH THIÊN NHIÊN NGÀY HÈ VÀ TÂM HỒN YÊU THIÊN NHIÊN CỦA NHÀ THƠ

***Hoè lục dùn dùn tán rọp dương***

***Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ***

***Hồng liên trì đã tiễn mùi hương***

Ba câu thơ miêu tả hình ảnh thiên nhiên mùa hè nơi quê nhà Nguyễn Trãi. Một bức tranh thiên nhiên thật sống động và đầy màu sắc đã đến với chúng ta một cách chân thật nhất. Đó là màu xanh của cây hoè, màu đỏ của hoa lựu, màu hồng của hoa sen, màu vàng lung linh của ánh nắng chiều. Tất cả hoà quyện lại với nhau, tạo nên cảnh vật đặc trưng của mùa hè.

- Mở đầu câu thơ là hình ảnh cây hoè – một loại cây đặc trưng ở vùng Bắc Bộ, rất dễ bắt gặp ở mọi nơi, lớn lên nhanh, tán cây tỏa rộng che rọp mặt đất như một tấm trướng rộng căng ra giữa trời với cành lá xanh tươi. ***Tính từ*** “***dùn dùn***” ***kết hợp với động từ mạnh “giương”*** đã góp phần diễn tả sự sum xuê, nẩy nở, làm cho cây hoè như có hồn hơn, làm bức tranh như sống động hơn.

- Bên cạnh đó, không chỉ cảm nhận bằng thị giác, Nguyễn Trãi còn cảm nhận cảnh vật bằng thính giác và khứu giác. Nhịp thơ 3/4 kết hợp với động từ mạnh “***phun***” làm cảnh vật dường như nổi bật hơn nhưng lại không chói chang, oi nồng mà mát dịu, tinh tế. Những cây thạch lựu còn phun thức đỏ, ao sen tỏa hương, màu hồng của những cánh hoa điểm tô sắc thắm

- Đặc biệt, ***các động từ mạnh*** Các từ dùn dùn (= dồn dập tuôn ra), giương (= giương rộng ra), phun, tiễn (= ngát, nức) gợi tả sức sống căng đầy chất chứa từ bên trong tạo vật, tạo nên những hình ảnh mới lạ, gây ấn tượng

### **3. HAI CÂU THƠ TIẾP: BỨC TRANH CUỘC SỐNG CON NGƯỜI**

***Lao xao chợ cá làng ngư phủ***

***Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương***

- Bức tranh thiên nhiên ngày hè của Nguyễn Trãi không chỉ có màu sắc, hình ảnh, hương vị mà còn có cả âm thanh nữa. Đó là âm thanh của tiếng ve kêu, âm thanh của cuộc sống con người xao động

+ **“Chợ”** là hình ảnh của sự thái bình trong tâm thức của người Việt. Chợ đông vui thì nước thái bình, thịnh trị, dân giàu đủ ấm no: chợ tan rã thì dễ gợi hình ảnh đất nước có biến, có loạn, có giặc giã, có chiến tranh, đao binh...

+ **Đảo ngữ kết hợp từ láy: Lao xao** (ồn ã, có tiếng động) – **Dắng dỏi** (ồn ã, inh ỏi) cho thấy cuộc sống đầy âm thanh, nhộn nhịp, sôi động → Cuộc sống náo nức, ấm no của nhân dân.

- Trong âm thanh nhịp nhàng của cuộc sống con người, âm thanh tiếng ve được Nguyễn Trãi ví như tiếng đàn **“cầm ve”** (cầm – đàn). Tiếng ve kêu trong buổi chiều hoàng hôn (**lầu tịch dương**) gợi màu sắc nơi thôn dã.

#### **4. HAI CÂU KẾT: ƯỚC NGUYỆN VÀ TẤM LÒNG VÌ NƯỚC VÌ DÂN CỦA NGUYỄN TRÃI**

***Để có Ngu cầm đàn một tiếng***

***Dân giàu, đủ khắp, đòi phương.***

- Từ hình ảnh và âm thanh vui tươi, náo nức của cuộc sống, Nguyễn Trãi đã nói lên ước nguyện của lòng mình **“Để có Ngu cầm đàn một tiếng”** – Nếu như có cây đàn Ngu thì gảy một tiếng đàn. Cách ngắt nhịp của câu thơ ***Để (nếu như) có (có được)/Ngu cầm (Cây đàn của vua Ngu Thuấn)/ đàn một tiếng (cất lên tiếng đàn)***. Theo thần thoại Trung Quốc kể rằng hai triều vua Đường Nghiêu và Ngu Thuấn là hai triều đại lí tưởng, xã hội thanh bình, nhân dân hạnh phúc. Riêng vua Ngu Thuấn có khúc hát Nam phong, trong đó có câu: **“Nam phong chi thì hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề”** (Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta

thêm nhiều của). Ngu cầm là đàn của vua Ngu Thuấn. Ý cả câu là hãy để cho ta có đàn của vua Thuấn để đàn một khúc Nam phong

- Từ ý của câu thơ thứ bảy, ta càng hiểu thêm về ước nguyện của Nguyễn Trãi. Ông ao ước được gảy một tiếng Ngu cầm để “Dân giàu, đủ khắp, đòi phương”. Đó là ước nguyện một cuộc sống với vẻ đẹp thiên nhiên hoà vào niềm ấm no hạnh phúc của nhân dân: ***dân giàu, đủ khắp, đòi (nhiều) nơi (phương)***

- Ý nghĩa: Mặc dù bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Trãi đi ở ẩn, song tinh thần của bài thơ vẫn thể hiện những khát khao vì nước, vì dân, vì cuộc đời của ông. Cảnh thiên nhiên hiện lên thật đẹp, song nổi bật trên nền thiên nhiên ấy chính là ước ao, khát vọng một đất nước thái bình, nhân dân hạnh phúc ấm no của Nguyễn Trãi

→ Tư tưởng nhân đạo sâu sắc

### **III. TỔNG KẾT**

#### **1. NỘI DUNG**

Tâm hồn yêu thiên nhiên và tấm lòng yêu nước, thương dân của Nguyễn Trãi.

#### **2. NGHỆ THUẬT**

- Bài thơ thể hiện sự cách tân nghệ thuật của Nguyễn Trãi

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật nhưng xen vào đó là những câu thơ lục ngôn (Mở đầu và kết thúc)

- Nhiều từ láy giàu chất tạo hình

- Sử dụng điển tích điển cố (Ngu cầm)

---

## PHỤ LỤC 1

### NHÀN – Nguyễn Bình Khiêm

#### I. TÌM HIỂU CHUNG

##### 1. TÁC GIẢ

###### *a. Cuộc đời*

- Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585), tên húy là Nguyễn Văn Đạt, tự là Hanh Phủ, quê ở huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng ngày nay.

- Ông đỗ Trạng Nguyên, làm quan dưới triều Mạc (thế kỉ XVI). Làm quan được 8 năm, ông dâng sớ xin vua chém đầu 18 tên lộng thần. Không được chấp nhận, ông cáo quan về quê, dựng am Bạch Vân, lập quán Trung Tân, mở trường dạy học, Khi về quê ông lấy hiệu Bạch Vân cư sĩ.

- Ông là người có học vấn uyên thâm, có nhiều học trò nổi tiếng, được đời suy tôn là Tuyết Giang Phu Tử. Mặc dù đã cáo quan nhưng ông vẫn tham vấn cho triều đình nhà Mạc nên được phong tước Trình Quốc công, do đó ông có tên là Trạng Trình

###### *b. Sự nghiệp*

- Nguyễn Bình Khiêm là tác giả lớn của văn học Việt Nam ở thế kỉ XVI. Tác phẩm gồm có: Tập thơ Bạch Vân am thi tập (chữ Hán) gồm 700 bài, Bạch Vân quốc ngữ thi (chữ Nôm) gồm 170 bài.

- Thơ ông vừa phê phán những điều xấu xa trong xã hội cũ, vừa ca ngợi thú sống thanh nhàn mang đậm chất triết lí.

##### 2. TÁC PHẨM

*a. Xuất xứ:* Trích trong ***Bạch Vân quốc ngữ thi tập***

*b. Thể thơ:* Thơ Đường luật chữ Nôm- thất ngôn bát cú

### **c. Bố cục:**

- Kết cấu Vòng

- Các cách chia bố cục

+ Đề - Thực - Luận - Kết

+ 4 câu đầu - 4 câu sau: Cuộc sống nhàn và Triết lí sống nhàn - Nhân cách của nhà thơ (Nội dung này được thể hiện lặp lại 2 lần ở 4 câu đầu và 4 câu sau)

+ **Theo nội dung:** Cuộc sống nhàn (Câu 1,2 và Câu 5,6) và Triết lí về cách sống nhàn - nhân cách của nhà thơ (Câu 3,4 và Câu 7,8)

**d. Chủ đề:** Bài thơ thể hiện quan niệm về sống nhàn: không quan tâm đến thế sự, sống an nhàn, hòa hợp với tự nhiên, không màng danh lợi để giữ cốt cách thanh cao.

## **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

### **1. CUỘC SỐNG NHÀN NƠI DÂN DÃ, THIÊN NHIÊN CỦA NHÂN VẬT TRỮ TÌNH**

#### **a. Hai câu đề (Câu 1 - 2)**

**Một mai, một cuốc, một cần câu**

**Thơ thần dầu ai vui thú nào.**

- **Điệp từ:** "một"

- **Liệt kê danh từ:** "mai, cuốc, cần câu"

- **Lặp cấu trúc:** "Số từ" + "Danh từ"

- **Nhịp:** 2/2/3

→ Gọi nhịp điệu đều đặn, thong thả của cuộc sống. Lối sống bình dị, thuần hậu, vui thú với điền viên



- **Từ láy “thơ thần”**: Gọi trạng thái thanh thản, an nhàn, vô sự trong lòng.

- **Đối**: Thơ thần – Vui thú

- **“dầu ai”**: Mặc ai

**Bình**: Cụ Trạng về sống giữa thôn quê như một **“lão nông tri điền”**, với những công cụ quen thuộc của nhà nông: “mai” - để đào đất, “cuốc” - để xới đất, “cần câu” - để câu cá. Cách sử dụng số từ: **“Một..., một..., một...”** cho thấy tư thế hoàn toàn chủ động, chu đáo và sẵn sàng của ông, hòa vào cuộc sống mới – cuộc sống của những người nông dân lam lũ, vất vả. Thái độ của Cụ Trạng hoàn toàn vui vẻ, không chút buồn phiền: **“Thơ thần dầu ai vui thú nào”**

➔ Khẳng định lối sống đã lựa chọn ➔ Sự kiên định, không chút dao động, bản khoăn khi lựa chọn cách sống cho riêng mình. Một cung cách sống đời thường, giản dị, ung dung, thảnh thơi, không gợn chút suy tính, lo toan về danh về lợi

### **b. Hai câu luận (Câu 5 – 6)**

**Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,**

**Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.**

- Hình ảnh thiên nhiên: bốn mùa tuần hoàn Xuân – Hạ – Thu – Đông

- Món ăn dân dã: măng trúc, giá

- Sinh hoạt: tắm hồ sen, tắm ao

- **Phép đối + liệt kê** tạo âm hưởng thư thái, tận hưởng

**Bình**: Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm còn mang đậm vẻ đạm bạc mà thanh cao. Sự đạm bạc là ở những thức ăn quê mùa, dân dã: măng trúc, giá đỗ. Các món ăn đạm bạc, cây nhà lá vườn do chính bàn tay và sức lao động của Cụ Trạng làm ra. Không chỉ thế, ông sinh hoạt cũng như bao người dân quê khác: không cao sang, quyền quý, mà cũng tắm hồ, tắm ao...Đạm bạc mà không ảm đạm. Đạm bạc

mà thanh cao. Cuộc sống thanh cao trong sự trở về với thiên nhiên, mùa nào thức ấy. Hai câu thơ là một bức tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với bốn mùa.

→ Lối sống hoà hợp, thuận theo tự nhiên

## 2. TRIẾT LÝ SỐNG NHÀN VÀ NHÂN CÁCH CỦA NHÀ THƠ

### a. Hai câu thực (Câu 3 - 4)

*Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ*

*Người khôn, người đến chốn lao xao*

- Hình ảnh hoán dụ biểu tượng:

+ *Nơi vắng vẻ*: Nơi thiên nhiên tĩnh tại, xa lánh cuộc đời bon chen đố kỵ, tâm hồn thanh thản

+ *Chốn lao xao*: Chốn cửa quyền “*ra luôn vào cúi*”, đua chen danh lợi, nhiều ràng buộc.

- **Nghệ thuật đối**: *Ta - tìm nơi vắng vẻ* (Tự do) **ĐỐI** *Người - đến chốn lao xao* (Ràng buộc)

- Phác hoạ hình ảnh về lối sống của hai kiểu người Đại – Khôn → Triết lý về Đại – Khôn của cuộc đời cũng là cách hành xử của tầng lớp nho sĩ thời bấy giờ

→ Cách nói ngược, hóm hỉnh, thâm trầm

→ Khẳng định phương châm sống xa lánh nơi quyền quý, tìm nơi sống thoải mái, nhàn tản, gìn giữ nhân cách.

**Bình**: Nguyễn Bình Khiêm vốn là người thẳng thắn, trung nghĩa. Vì dâng sớ xin vua chém mười tám tên lộng thần không được, nên ông cáo quan về quê sống, chứ không phải ông trốn tránh cuộc đời như nhiều người nghĩ. Nhờ vậy, chúng ta mới có dịp tìm hiểu con người ông qua Nhàn – một bài thơ được sáng tác khi

ông đã rời bỏ chốn quan trường. Yêu thiên nhiên nên ông trở về sống với thiên nhiên. Yêu đến độ giữa con người và thiên nhiên không còn khoảng cách. Bốn mùa, mùa nào cũng có những ưu đãi cuộc sống thanh tao của Nguyễn Bình Khiêm. Về với thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên là thoát ra ngoài vòng ganh đua của thói tục, không bị cuốn hút vào vòng xoáy danh lợi. Nhân cách của ông đối lập với danh lợi như nước với lửa. ***“Nơi vắng vẻ” đối lập với “chốn lao xao”, “Ta đại” đối lập với “người khôn”. Ta tìm nơi vắng vẻ là nơi không người cầu cạnh ta, ta cũng không cầu cạnh người, là nơi tĩnh tại của thiên nhiên, thánh thoir của tâm hồn. Người đến chốn lao xao là đến chốn sang trọng, ngựa xe tấp nập, thủ đoạn, bon chen, mua danh bán tước...*** Thơ Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm là sự phủ nhận danh lợi : ***“Để rẻ công danh đối lấy nhàn”*** (thơ Nôm, bài 13).

**Nhận xét:** Trong cuộc sống hàng ngày, với Nguyễn Bình Khiêm, lối sống Nhàn là hoà hợp với đời sống lao động bình dị, an nhiên vui vẻ tránh xa vòng danh lợi, bon chen chốn vinh hoa, phú quý.

### **b. Hai câu kết (Câu 7 – 8)**

***Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,***

***Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.***

- **Điển tích:** Rượu đến cội cây, sẽ uống, Phú quý tựa chiêm bao. Quan niệm ấy vốn dĩ gần với đạo Lão - Trang, có phần yếu thế tiêu cực, nhưng đặt trong thời đại nhà thơ đang sống lại bộc lộ ý nghĩa tích cực. Cuộc sống của những kẻ chạy theo công danh phú quý vốn dĩ ông căm ghét và lên án trong rất nhiều bài thơ về nhân tình thế thái của mình:

***“Ơ thế mới hay người bạc ác,***

***Giàu thì tìm đến, khó thì lui”***

## (Thói đời)

- **Nhìn xem:** Biểu hiện thế đứng từ bên ngoài, coi thường danh lợi

**Bình:** Cụ Trạng là người trí tuệ sáng suốt, tinh táo và uyên thâm. Ông tìm đến say để mà tỉnh: (Rượu đến cội cây ta sẽ uống/Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.) Ông tinh táo chọn lựa cho mình một nơi thư thái của tâm hồn “nơi vắng vẻ”, mặc cho người đời đua nhau tìm “chốn lao xao”. Như vậy không có nghĩa là ông thích cuộc sống nhàn hạ, thích hưởng thụ, thích xa lánh xã hội và cuộc đời. Ông chỉ muốn bảo toàn nhân cách trong sạch của mình giữa cuộc sống phàm tục, muốn tìm về với thiên nhiên xa rời danh lợi. Bởi ông nhận ra công danh, phú quý chỉ là giấc chiêm bao.

➔ Khẳng định lối sống mà mình đã chủ động lựa chọn, đứng ngoài vòng cám dỗ của vinh hoa phú quý. Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy an nhiên, vui vẻ bởi thi sĩ được hoà hợp với tự nhiên, nương theo tự nhiên để di dưỡng tinh thần, đồng thời giữ được cốt cách thanh cao, không bị cuốn vào vòng danh lợi tầm thường.

## III. TỔNG KẾT

### 1. NỘI DUNG

Bài thơ là lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn, sống hòa hợp với tự nhiên, giữ cốt cách thanh cao, vượt lên trên danh lợi của Nguyễn Bình Khiêm

### 2. NGHỆ THUẬT

- Sử dụng phép đối, điển cố

- Ngôn từ mộc mạc, tự nhiên mà giàu ý vị, giàu chất triết lí

**PHỤ LỤC 2**  
**PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**  
**TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 11**

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 10A...

Họ và tên học sinh:.....STT:.....

<b>Bài</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
1	- Mục: • Phần:	1/ 2/ 3/
2		
3		











